

Bản án số: 251/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07/05/2026

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Ánh Minh;

+ Bà Phan Thị Cẩm Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2025/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Mỹ H, sinh năm 1989; địa chỉ: Khối 1, xã N, thành phố Đ. Vắng mặt (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

- Bị đơn: Ông Trần Phi Ph, sinh năm 1988; địa chỉ: Khối 1, xã N, thành phố Đ. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị Mỹ H trình bày:*

* *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và ông Trần Phi Ph tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã N, thành phố Đ) vào ngày 14 tháng 4 năm 2011. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, tôi và ông Ph đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Phi Ph.

* *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, chúng tôi có 02 con chung tên là:

+ Trần Huy H, sinh ngày 19/02/2011;

+ Trần Tuệ M, sinh ngày 19/9/2019.

Từ khi tôi đi làm ăn xa đến nay, các cháu do ông Trần Phi Phchăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, ông Ph chưa quan tâm đầy đủ đến việc chăm sóc, giáo dục con, ông Ph thường giao con cho ông bà Nội nuôi dưỡng, đưa đón đi học có thời điểm không đóng tiền học, tiền ăn bán trú cho cháu Mẫn, để con nghỉ học không xin phép nhà trường, bản thân tôi phải lo đóng tiền ăn và các khoản nộp cho trường cho các con. Do vậy, khi ly hôn, nguyện vọng của tôi là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tôi không yêu cầu ông Ph phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp ông Ph không đồng ý thì tôi xin nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Tuệ M, giao cháu Trần Huy H cho ông Ph vì cháu Mẫn là con gái, hiện nay còn nhỏ, chưa thể tự lo cho bản thân và cần phải có người đưa đón đi học hằng ngày. Do ông Ph làm nghề chạy xe dịch vụ nên không đảm bảo việc đưa đón con đi học.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, bị đơn ông Trần Phi Ph trình bày:* Tôi và bà Đặng Thị Mỹ H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng). Thời gian đầu sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 11/2024, bà H bỏ đi không nói với tôi, để lại hai con sống cùng tôi. Từ khi bỏ đi, bà H đã cắt đứt mọi liên lạc, không hề gọi điện hỏi thăm con, không gửi tiền nuôi con hằng tháng. Nay bà H yêu cầu ly hôn, tôi không đồng ý, tôi xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, tôi mong muốn Tòa án hoà giải cho hai vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con cái.

Trong trường hợp bà H cương quyết ly hôn, nguyện vọng của tôi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến tuổi trưởng thành, tôi không yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Công việc của tôi là chạy xe dịch vụ, thu nhập hằng tháng là 10.000.000 đồng, kinh tế, thời gian đảm bảo để chăm sóc các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Bà Đặng Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trần Phi Ph. Ông Trần Phi Ph có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng.

Bị đơn ông Trần Phi Ph đã được tổng đạt hợp Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành việc xác minh, thu thập chứng cứ nên không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát.

[2] *Về nội dung:*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đặng Thị Mỹ H và ông Trần Phi Ph kết hôn vào ngày 14/4/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng) hôn nhân của hai người là hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật công nhận.

Xét tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Ph thì thấy: bà H cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nên hai người đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Tuy nhiên, ông Ph cho rằng, vợ chồng sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn nhưng bà H tự ý bỏ nhà đi và cắt đứt mọi liên lạc.

Xét thấy: Mặc dù ông Trần Phi Ph mong muốn Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con cái nhưng ông Ph vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Điều này chứng tỏ ông Ph không có thiện chí mong muốn hòa giải đoàn tụ, trong khi đó bà H kiên quyết ly hôn. Các bên đều thừa nhận cả hai đã sống ly thân với nhau từ năm 2024 cho đến nay. Điều này cho thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông Ph đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Mỹ H, xử cho bà H được ly hôn với ông Trần Phi Ph.

[2.2]. *Về con chung*: Bà Đặng Thị Mỹ H và ông Trần Phi Ph có hai con chung tên Trần Huy H, sinh ngày 19/02/2011 và Trần Tuệ M, sinh ngày 19/9/2019.

Bà H, ông Ph đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con khi ly hôn và không yêu cầu bên kia phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp ông Ph không đồng ý giao cả hai con chung cho bà H thì nguyện vọng của bà H là được chăm sóc, giáo dục cháu Trần Tuệ M, giao cháu Trần Huy H cho ông Trần Phi Ph.

Xét nguyện vọng nuôi con của hai bên thì thấy:

Do tính chất công việc của ông Ph là chạy xe dịch vụ, giờ giấc không cố định, điều này không đảm bảo cho việc đưa đón con đi học. Trong khi đó, cháu Trần Tuệ M là con gái còn nhỏ, chưa thể tự lo cho bản thân cũng như tự đi đến trường mà cần phải có người đưa đón nên cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ; đồng thời bà H có công việc, thu nhập ổn định và có điều kiện chăm sóc cháu.

Đối với cháu Trần Huy H đã trên 07 tuổi, Tòa án đã ghi nhận đơn đề đạt nguyện vọng của cháu đề ngày 24/3/2026 là muốn được ở với cha. Xét thấy, nguyện vọng của cháu là tự nguyện, phù hợp với thực tế cháu đang sinh sống ổn định cùng ông Ph, nên cần tôn trọng.

Vì lợi ích về mọi mặt của các con, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Trần Huy H cho ông Trần Phi Ph; giao cháu Trần Tuệ M cho bà Đặng Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Mỹ H được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Mỹ H về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”* đối với bị đơn ông Trần Phi Ph;

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Đặng Thị Mỹ H được ly hôn với ông Trần Phi Ph.

- *Về con chung:* Giao cháu Trần Huy H, sinh ngày 19/02/2011 cho ông Trần Phi Ph; giao cháu Trần Tuệ M, sinh ngày 19/9/2019 cho bà Đặng Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. *Về án phí:* Án phí DS-ST bà Đặng Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007677 ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

[3]. *Về quyền kháng cáo:*

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *TAND TP Đà Nẵng;*
- *VKSND TP Đà Nẵng;*
- *VKSND khu vực 5-Đà Nẵng;*
- *Phòng THADS khu vực 5;*
- *UBND xã Núi Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ + án văn.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Bích Ân

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND TP Đà Nẵng;*
- *VKSND KV5-ĐN;*
- *Phòng THADS KV5-ĐN;*
- *UBND xã Núi Thành, tp Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu án văn.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Ân

